

Bản án số: 136/2026/DS-ST

Ngày: 24-7-2026

V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Thái Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh

Ông Lê Bửu Khánh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hồng Nhậm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2026/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2026 về việc tranh chấp hợp đồng góp hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 369/2026/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*

- Ông Trần Văn P, sinh ngày 01/01/1979. CCCD số 094079011393. Địa chỉ: Ấp K, xã K, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Bà Lê Thị Mỹ P1, sinh ngày 01/01/1979. CCCD số 09417901075. Địa chỉ: Ấp K, xã K, thành phố Cần Thơ (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

*Bị đơn:*

- Bà Bùi Thị T, sinh ngày 10/02/1973 - CCCD số 094173010197. Địa chỉ: Ấp K, xã K, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Ông Huỳnh An K, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp K, xã K, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 trình bày:

Bà Bùi Thị T, ông Huỳnh An K làm chủ hội vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 có tham gia 04 dây hội như sau:

Dây hụi 1: Hụi tháng 5 triệu đồng, khai vào ngày mùng 10/08/2024 âm lịch, có 22 chung, ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 tham gia 1 chung, đóng được 9 lần cho bà Bùi Thị T, ông Huỳnh An K 45.000.000 triệu đồng.

Dây hụi 2: Hụi tháng 2 triệu đồng, khai vào ngày 30/04/2024 dương lịch, có 30 chung, ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 tham gia 1 chung đóng được 14 lần cho bà Bùi Thị T, ông Huỳnh An K là 28.000.000 triệu đồng.

Dây hụi 3: Hụi tháng 2 triệu đồng, khai vào ngày 15/04/2025 dương lịch, có 33 chung, ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 tham gia 1 chung đóng được 2 lần cho bà Bùi Thị T, ông Huỳnh An K không khai nữa, tổng số tiền đóng là bà Bùi Thị T, ông Huỳnh An K 4.000.000 triệu đồng.

Dây hụi 4: Hụi tháng 2 triệu đồng, khai vào ngày 20/04/2025 dương lịch, có 33 chung, ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 tham gia 2 chung đóng được 2 lần cho bà Bùi Thị T, ông Huỳnh An K không khai nữa, tổng số tiền đóng là bà Bùi Thị T, ông Huỳnh An K 8.000.000 triệu đồng.

Như vậy: tổng 4 dây hụi bà Bùi Thị T, ông Huỳnh An K thiếu vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 là 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng)

Hiện tại bà Bùi Thị T, ông Huỳnh An K đang ở tại nhà nhưng không có chiều hướng giải quyết tiền hụi cho ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 đang đóng tích góp để trang trải cuộc sống gia đình nhưng vợ chồng bà Bùi Thị T và ông Huỳnh An K cố tình lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 bằng cách kêu hụi sau đó lấy tiền ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 đóng bỏ trốn.

Nay yêu cầu Tòa án nhân dân Khu Vực 10 - Cần Thơ: Buộc bà Bùi Thị T, ông Huỳnh An K trả cho ông Trần Văn P và bà Lê Thị Mỹ P1 tổng số tiền 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng)

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 22/6/2026, Tòa án mời các đương sự làm việc, theo đó các bên đương sự có mặt trình bày như sau:*

- Đối với dây hụi 01:

+ Bà Lê Thị Mỹ P1 và ông Trần Văn P cùng trình bày: vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 có tham gia dây hụi tháng mỗi tháng 5.000.000 đồng có 22 chân bắt đầu khai vào ngày 10/8/2024 âm lịch. Vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 tham gia 01 chân đã đóng được 09 lần với số tiền 45.000.000 đồng. Tuy nhiên đây là những lần chưa hết hụi nên có tiền lãi trong này.

+ Bà Bùi Thị T trình bày xác định số lần đóng hụi là đúng nhưng đây là tính trên tiền lãi. Số tiền gốc là 31.900.000 đồng.

+ Bà Lê Thị Mỹ P1 xác định số tiền đã đóng chưa tính lãi là 31.900.000 đồng.

- Dây hụi 02: Hụi tháng 2.000.000 đồng bắt đầu khai vào ngày 30/4/2024 âm lịch có 30 chân, vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 tham gia 01 chân, đã đóng được 14 lần với số tiền 28.000.000 đồng.

+ Bà Lê Thị T1 xác định có đóng được 14 lần nhưng số tiền gốc là 16.750.000 đồng.

+ Bà Lê Thị Mỹ P1 xác định không nhớ chính xác nhưng số tiền là 17.300.000 đồng.

+ Hai bên thống 17.000.000 đồng số tiền đã đóng của dây hụi này.

- Dây hụi 03:

+ Hụi tháng 2.000.000 đồng bắt đầu khai vào ngày 15/4/2025 âm lịch có 33 chân vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 tham gia 01 chân đã đóng được 02 lần với số tiền 4.000.000 đồng.

+ Bà Bùi Thị T không đồng ý, chỉ đồng ý trả số tiền 2.720.000 đồng.

+ Bà Lê Thị Mỹ P1 thống nhất số tiền 2.720.000 đồng.

- Dây hụi thứ 04: hụi tháng 2.000.000 đồng bắt đầu khai vào ngày 20/4/2025 âm lịch có 33 chân vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 tham gia 02 chân đã đóng được 02 lần với số tiền 8.000.000 đồng.

+ Bà Bùi Thị T trình bày: số tiền là 5.380.000 đồng.

+ Bà Lê Thị Mỹ P1 xác định đúng số tiền là 5.380.000 đồng.

+ Các bên đương sự bà Lê Thị Mỹ P1, ông Trần Văn P và bà Bùi Thị T thống nhất xác định 04 dây hụi mà vợ chồng Lê Thị Mỹ P1, ông Trần Văn P đã đóng số tiền gốc là 57.000.000 đồng.

+ Vợ chồng bà Lê Thị Mỹ P1, ông Trần Văn P yêu cầu bà Bùi Thị T cùng chồng là ông Huỳnh An K có trách nhiệm trả dứt một lần trong 01 tháng thì ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 không yêu cầu tính lãi của số tiền trên.

Tuy nhiên các bên không thống nhất được thời gian thanh toán: Ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 yêu cầu trả ngay còn bà Bùi Thị T xin trả dần hằng tháng mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi mãn hụi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Bùi Thị T thống nhất xác định số tiền hụi của ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 đã đóng tổng số 57.000.000 đồng. Bà Bùi Thị T đưa ra ý kiến mỗi tháng trả 1.000.000 đồng. Trong vụ án này không có liên quan đến chồng vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 nên chồng vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 là ông Huỳnh An K không có mặt, không tham gia.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Nguyên đơn ông Trần Văn P xác định yêu cầu bà Bùi Thị T cùng chồng là ông Huỳnh An K có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ hụi là 57.000.000 đồng cho vợ chồng ông.

- Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ P1 vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bà Bùi Thị T thống nhất xác định còn nợ vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 số tiền hui là 57.000.000 đồng. Đối với chồng là ông Huỳnh An K không có liên quan đến khoản nợ này.

- Ông Huỳnh An K được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: theo nội dung yêu cầu khởi kiện, vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Bùi Thị T, ông Huỳnh An K có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 số tiền gốc là 85.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Được xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng góp hui theo Điều 471 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, thành phố Cần Thơ. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[3] Xét về thay đổi yêu cầu khởi kiện, trong buổi làm việc ngày 22/6/2026 và tại phiên tòa nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hui là: 57.000.000 đồng so với yêu cầu trong đơn khởi kiện đã được thụ lý. Hội đồng xét xử thấy rằng việc thay đổi không yêu cầu là trên cơ sở tự nguyện và việc thay đổi yêu cầu này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân nên được chấp nhận.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ không có tiến hành thu thập chứng cứ và vụ án không thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[5] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ P1 vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, ông Huỳnh An K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[6] Về nội dung vụ án: Giữa nguyên đơn vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 với bị đơn bà Bùi Thị T đã thống nhất xác định bà Bùi Thị T còn nợ số tiền hui mà nguyên đơn đã đóng chưa hết là 57.000.000 đồng.

[6.1] Nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được Tòa án thực hiện tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Huỳnh An K, tuy nhiên ông Huỳnh An K không

có mặt để trình bày ý kiến cũng như đưa ra yêu cầu giải quyết nội dung gì trong vụ án. Bên cạnh đó, bị đơn bà Bùi Thị T xác định ông Huỳnh An K là chồng, ngụ cùng địa chỉ. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình và căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Dân sự xác định bị đơn ông Huỳnh An K không phản đối nội dung khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[6.2] Từ đó vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 không phải chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Hội đồng xét xử xác định vợ chồng bà Bùi Thị T, ông Huỳnh An K còn nợ hui của vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 tổng số tiền 57.000.000 đồng đồng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 cho đến nay.

[6.3] Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 đối với vợ chồng bà Bùi Thị T, ông Huỳnh An K đòi lại số tiền nợ hui là 57.000.000 đồng đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự và điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 17 của Nghị định về hui, họ, biểu phường số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

[6.4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1, giải quyết buộc vợ chồng bà Bùi Thị T, ông Huỳnh An K phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 còn nợ hui là 57.000.000 đồng đồng.

[7] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng vợ chồng bà Bùi Thị T, ông Huỳnh An K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[8] Về quyền kháng cáo: Ông Trần Văn P, bà Bùi Thị T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án và bà Lê Thị Mỹ P1, ông Huỳnh An K được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Về án phí sơ thẩm: Vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 không phải chịu án phí sơ thẩm; vợ chồng bà Bùi Thị T, ông Huỳnh An K phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 2.850.000 đồng đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Căn cứ vào các điều 471, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 17 của Nghị định về hội, họ, biểu phường số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 về việc yêu cầu vợ chồng bà Bùi Thị T, ông Huỳnh An K trả số tiền hội còn nợ là 57.000.000 (Năm mươi bảy triệu) đồng.

- Buộc vợ chồng bà Bùi Thị T, ông Huỳnh An K phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 số tiền hội còn nợ là 57.000.000 (Năm mươi bảy triệu) đồng.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng vợ chồng bà Bùi Thị T, ông Huỳnh An K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

**2.** Về án phí sơ thẩm: Vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà vợ chồng ông Trần Văn P, bà Lê Thị Mỹ P1 đã nộp là 2.125.000 (Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010887, ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Vợ chồng bà Bùi Thị T, ông Huỳnh An K phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 2.850.000 (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng.

**3.** Về quyền kháng cáo: Ông Trần Văn P, bà Bùi Thị T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án và bà Lê Thị Mỹ P1, ông Huỳnh An K được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36 và 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (03);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND KV10-CT (01);
- THADS TPCT(01);
- TAND thành phố Cần Thơ (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

## **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thái Ngọc**